

Số: 02/KH-KNL

Sơn La, ngày 07 tháng 07 năm 2025

KẾ HOẠCH
NĂM HỌC 2026 - 2027

I. NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng Sơn La khóa XXXIII, nhiệm kỳ 2025 -2030; Nghị quyết Đại hội chi bộ 8, nhiệm kỳ 2025 -2030;

Nghị quyết số 24-NQ/ĐU-CĐSL ngày 16/6/2026 về nâng cao chất lượng đào tạo giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035;

Kế hoạch số 80-KH/ĐU-CĐSL ngày 16/6/2026 về triển khai Nghị quyết 05-NQ/TU, 06-NQ/TU, 09-NQ/TU, 10-NQ/TU ngày 30/12/2025 của BCH đảng bộ tỉnh ; Chỉ thị 03-CT/TU ngày 03/02/2026 của Ban bí thư ; Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ chính trị;

Kế hoạch số 79-KH/ĐU-CĐSL ngày 16/6/2026 về thực hiện KL số 607-KL/TU ngày 22/4/2026 của BTV tỉnh ủy và KH số 65-KH/ĐU ngày 15/5/2026 của ĐU UBND tỉnh về SX, chế biến, tiêu thụ cà phê bền vững theo hướng sinh thái trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

Quyết định số 132/QĐ-CĐSL ngày 03/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Kế hoạch số 211/KH-CĐSL 06/7/2026 về Kế hoạch năm học 2026 2027 của trường Cao đẳng Sơn La;

Thông báo số 285/TB-CĐSL ngày 09/7/2026 về triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được ban hành trong các Nghị quyết của BCH Đảng bộ năm học 2026-2027;

Mục tiêu chất lượng năm học 2026-2027 của Trường Cao đẳng Sơn La;

Mục tiêu chất lượng năm học 2026-2027 của khoa Nông lâm;

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM HỌC 2026- 2027

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động khoa

Tổng số CBGV của khoa gồm 31 đ/c, trong đó:

- Giảng viên: 29 đồng chí.

- Kỹ thuật viên: 02 đồng chí

- Giới tính: Nam: 12 đ/c; Nữ: 19 đ/c.

- Dân tộc: Kinh: 27 đ/c; Thái: 04 đ/c

- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ : 01 ; Thạc sỹ: 23 đ/c; Đại học: 06 đ/c ; 01 Trung cấp.

2. Thuận lợi:

- Khoa Nông Lâm luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của BCH đảng bộ, Ban Giám hiệu trong thực hiện nhiệm vụ ;

- Khoa Nông Lâm được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng 03 chương

trình đào tạo trọng điểm ;

- Đội ngũ cán bộ viên chức đa số có trình độ cao, giàu kinh nghiệm trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

3. Khó khăn: Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn đặc biệt là tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy và một số Trung tâm GDTX, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng CBVC, HSSV

- Thực hiện tốt công tác quán triệt các chủ trương, Nghị quyết của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy chế/quy định của trường Cao đẳng Sơn La tới CBVC và HSSV đơn vị.

- Phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong giáo dục chính trị, tư tưởng cho HSSV; Tăng cường tuyên truyền, quán triệt về phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường trong các buổi sinh hoạt lớp tới HSSV. Triển khai thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số HSSV bằng thực hiện phương án cảnh báo sớm hiệu quả trong năm học 2026-2027.

2. Công tác tuyển sinh

- Tiếp tục phối hợp hiệu quả với Trung tâm Tuyển sinh – Hướng nghiệp trong thực hiện tuyên truyền tuyển sinh tại các trường PHPT, THCS trên địa bàn tỉnh ;

- Tăng cường hoạt động trao đổi của lãnh đạo khoa/bộ môn với các Trung tâm GDTX trên địa bàn tỉnh để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tuyển sinh và đào tạo của khoa ;

- Quán triệt việc thực hiện tốt quy định của cơ sở phối hợp đào tạo đối với giảng viên trong đơn vị;

3. Công tác tổ chức đào tạo

- Thực hiện tốt công tác phân công giảng dạy năm học 2026-2027 đảm bảo $\geq 95\%$ giảng viên đơn vị hoàn thành đầy đủ định mức lao động; Phân công chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường của giảng viên.

- Triển khai hiệu quả công tác đào tạo năm học 2026-2027 trên hệ thống quản lý tổng thể của nhà trường ;

- Thực hiện nghiêm túc các lớp học theo Chương trình đào tạo ban hành, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ và chuẩn đầu ra. Tăng cường kết nối doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, đảm bảo tối thiểu 30% thời lượng đào tạo thực hiện tại doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện tích cực việc số hóa môn học, mô đun với số lượng $\geq 50\%$. Tăng cường hoạt động ứng dụng LMS vào giảng dạy các môn học, học phần của giảng viên.

4. Công tác cải tiến chương trình đào tạo, rèn kỹ năng nghề nghiệp & cập nhật công nghệ mới

- Tiếp tục thực hiện cải tiến chương trình đào tạo theo hướng cập nhật chuẩn đầu ra, nhu cầu thị trường lao động ;

- Đảm bảo 100% chương trình đào tạo được tích hợp kỹ năng số, chuyển đổi xanh, AI ;

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, lựa chọn các kỹ năng nghề nghiệp, cập nhật công nghệ mới đảm bảo phù hợp với chương trình đào tạo, thực tiễn của giảng viên và thực tiễn địa phương Sơn La.

- Đảm bảo 100% giảng viên hoàn thành nhiệm vụ rèn kỹ năng nghề nghiệp & cập nhật công nghệ mới.

5. Công tác cải tiến phương pháp giảng dạy

- Thực hiện việc cải tiến phương pháp giảng dạy năm học 2026-2027 đảm bảo theo thủ tục quy trình được ban hành về nội dung tiến độ và hồ sơ lưu giữ đầy đủ.
- Tập trung nội dung thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy vào thực hiện dạy học theo dự án ; dạy học sử dụng vật liệu tái chế.

6. Công tác khoa học công nghệ, tự làm thiết bị đào tạo, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

- Triển khai nghiệm thu đúng tiến độ 01 đề tài cấp tỉnh đang thực hiện ;
- Tập trung đề xuất và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở theo định hướng nhà trường ban hành; Trong đó triển khai thực hiện tối thiểu 02 nhiệm vụ tại xã Mường Bám, tỉnh Sơn La; Triển khai các nhiệm vụ tập trung giải quyết các nội dung phát triển bền vững, ứng dụng IOT trong nông nghiệp, truy suất nguồn gốc và ứng dụng AI trong sản xuất nông nghiệp.
- Triển khai tối thiểu 03 nhiệm vụ KHCN về lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, nông nghiệp thông minh trong năm học 2026-2027.
- Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ tự làm thiết bị đào tạo, tập trung vào ứng dụng AI, chuyển đổi số để thiết kế và triển khai thiết bị đào tạo tự làm ;
- Triển khai vận hành hiệu quả phần mềm quản lý tổng thể vào công việc của khoa ;

7. Công tác đảm bảo chất lượng và vận hành QMS ISO 9001:2015

- Triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng năm 2026 – 2027 của khoa.
- Triển khai thực hiện kế hoạch tự đánh giá 04 CTĐT (Cao đẳng CNTY; Trung cấp CNTY; TC Lâm sinh; TC Trồng trọt – BVTV); Kế hoạch duy trì, cải tiến khắc phục sau tự đánh giá, khảo sát các bên đối với các CTĐT do khoa quản lý.
- Thực hiện công tác công khai đảm bảo chất lượng hằng quý.
- Thực hiện tốt các mục tiêu chất lượng năm học 2026-2027; Thực hiện nghiêm túc việc tuân thủ vận hành hệ thống QMS ISO 9001:2015.

8. Công tác trại thực hành

- Triển khai duy trì tốt việc quản lý đàn vật nuôi, phòng và điều trị bệnh không để xảy ra dịch bệnh tại khu vực chăn nuôi;
- Xây dựng kế hoạch năm học và bảng phân công hàng tháng đảm bảo việc thực hiện thường xuyên của trại thực hành;
- Triển khai xây dựng và vận hành mô hình đào tạo thực hành về IOT nông nghiệp và mô hình đào tạo thực hành truy suất nguồn gốc sản phẩm.
- Phục vụ tốt công tác đào tạo, thực hành thực tập của HSSV các chuyên ngành đào tạo.

IV. CÁC CHỈ TIÊU CẦN ĐẠT TRONG NĂM HỌC VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN: (Có phụ lục kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, ứng với mỗi nội dung, nhiệm vụ và kế hoạch thời gian như đã nêu trên, Bộ môn, Trại thực hành có trách nhiệm xây dựng kế hoạch trình lãnh đạo khoa xem xét, phê duyệt để triển khai, thực hiện, gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đến lãnh đạo khoa và đơn vị có liên quan theo quy định.

Trên đây là kế hoạch năm học 2026-2027 của khoa Nông lâm, yêu cầu lãnh đạo và toàn thể cán bộ, viên chức khoa Nông Lâm nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (Báo cáo);
- BCN khoa (Thực hiện);
- Bộ Môn, Trại thực hành (Thực hiện);
- Lưu: VPK.

TRƯỞNG KHOA

Đỗ Văn Tuấn

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU KPI NĂM HỌC 2026 – 2027 VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số 02/KH-CDSL ngày 07/7/2026 của khoa Nông Lâm)

TT	Chỉ tiêu KPI	KPI phân rã	Phân công phụ trách	Phân công thực hiện
1.	92% HSSV có kết quả học tập từ trung bình trở lên, trong đó 72% đạt khá trở lên; 92% HSSV tốt nghiệp đợt 1; 96% HSSV có kết quả rèn luyện đạt khá trở lên; Tỷ lệ bỏ học $\leq 8\%$ so với đầu năm học.	92% HSSV có kết quả học tập từ trung bình trở lên, trong đó 72% đạt khá trở lên	Trưởng Bộ môn	Giảng viên
		92% HSSV tốt nghiệp đợt 1		
		96% HSSV có kết quả rèn luyện đạt khá trở lên	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	GVCN
		Tỷ lệ bỏ học $\leq 8\%$ so với đầu năm học		
2.	Triển khai đúng tiến độ 01 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh; 100% nhà giáo trực tiếp giảng dạy tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, có bài báo đăng trên tạp chí khoa học được tính điểm hoặc tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, thiết bị tự làm; 20% HSSV và 30% giảng viên đề xuất ý tưởng sáng tạo, giải pháp cải tiến chất lượng; 100% đề tài, sáng kiến sau nghiệm thu được ứng dụng vào thực tiễn.	Triển khai đúng tiến độ 01 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Thành viên đề tài
		Tỷ lệ nhà giáo tham gia hội giảng 100%	Phó trưởng khoa (Vi Văn Toàn)	Giảng viên
		Tỷ lệ nhà giáo tham gia làm thiết bị dạy học 30% (09 GV)	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Giảng viên
		Tỷ lệ HSSV đề xuất ý tưởng sáng tạo 20%	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Trưởng Bộ môn
		Tỷ lệ GV thực hiện giải pháp ĐMST 10%		
		Số lượng mô hình đổi mới sáng tạo: 01 mô hình		
		Số lượng nhiệm vụ KHCN/SKKN được nghiệm thu: 6 nhiệm vụ/SKKN; Trong đó có 03 nhiệm vụ về lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, nông nghiệp thông minh		

TT	Chỉ tiêu KPI	KPI phân rõ	Phân công phụ trách	Phân công thực hiện
		Tỷ lệ đề tài/SKKN đã nghiệm thu được ứng dụng vào thực tiễn: 100%	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Hoàng Văn Giáp Triệu Thị Thịnh Vũ Thị Kim Thanh
3.	100% giảng viên chuyên ngành được cập nhật công nghệ mới tại doanh nghiệp hoặc tham gia bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; 90% giảng viên ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy (LMS, học liệu số, lớp học trực tuyến).	100% giảng viên chuyên ngành được cập nhật công nghệ mới tại doanh nghiệp hoặc tham gia bồi dưỡng chuyên môn theo quy định	Phó trưởng khoa (Chu Văn Tiệp)	Giảng viên
		90% giảng viên ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy (LMS, học liệu số, lớp học trực tuyến)		
		Tỷ lệ đào tạo trực tuyến trong mỗi ngành/ngành: 30%		
4.	100% chương trình đào tạo được cập nhật kỹ năng số, kỹ năng xanh và nội dung thực tế doanh nghiệp; Tăng tối thiểu 10% các môn học/mô đun (đối với ngành, nghề trọng điểm là 20%) có học liệu số hoặc bài giảng điện tử chuẩn hóa so với năm học trước.	100% chương trình đào tạo được cập nhật kỹ năng số, kỹ năng xanh và nội dung thực tế doanh nghiệp	Phó trưởng khoa (Chu Văn Tiệp)	Trưởng Bộ môn
		Tỷ lệ BGĐT/CTĐT: 40-60%		
		Tỷ lệ học phần/mô đun có áp dụng mô phỏng hóa: 70%		
5.	Triển khai xây dựng ≥ 02 mô hình sinh kế lĩnh vực nông, lâm nghiệp gắn với phát triển bền vững trên địa bàn xã Mường Bám, tỉnh Sơn La.	Triển khai xây dựng ≥ 02 mô hình sinh kế lĩnh vực nông, lâm nghiệp gắn với phát triển bền vững trên địa bàn xã Mường Bám, tỉnh Sơn La.	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Trưởng Bộ môn
6.	95% viên chức đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên.	95% viên chức đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên.	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Trưởng Bộ môn
7.	Số lượng DN/đối tác ký kết hợp tác/ngành nghề: 05 đơn vị/ngành nghề	Số lượng DN/đối tác ký kết hợp tác/ngành nghề: 05 đơn vị/ngành nghề	Phó trưởng khoa (Chu Văn Tiệp)	Trưởng Bộ môn

TT	Chỉ tiêu KPI	KPI phân rõ	Phân công phụ trách	Phân công thực hiện
8.	Tỷ lệ HSSV tham gia thực tập tại doanh nghiệp: 100%	Tỷ lệ HSSV tham gia thực tập tại doanh nghiệp: 100%	Phó trưởng khoa (Chu Văn Tiếp)	Trưởng Bộ môn
9.	Triển khai xây dựng và vận hành 02 mô hình đào tạo thực hành về IOT nông nghiệp và truy suất nguồn gốc sản phẩm	Triển khai xây dựng và vận hành 02 mô hình đào tạo thực hành về IOT nông nghiệp và truy suất nguồn gốc sản phẩm	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Trưởng trại thực hành (Nguyễn Việt Thắng)
10.	Tổ chức 02 lớp tập huấn về lĩnh vực: nông nghiệp sinh thái/nông nghiệp bền vững/kinh tế tuần hoàn	Tổ chức 02 lớp tập huấn về lĩnh vực: nông nghiệp sinh thái/nông nghiệp bền vững/kinh tế tuần hoàn	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Trưởng Bộ môn
11.	Tỷ lệ HSSV sử dụng cổng thông tin sinh viên: 80%	Tỷ lệ HSSV sử dụng cổng thông tin sinh viên: 80%	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	GVCN
12.	Tổ chức 02 hội thảo khoa học/seminar học thuật	Tổ chức 02 hội thảo khoa học/seminar học thuật	Trưởng khoa (Đỗ Văn Tuấn)	Trưởng Bộ môn
13.	Tổ chức ≥ 02 buổi sinh hoạt chuyên môn theo bộ môn	Tổ chức ≥ 02 buổi sinh hoạt chuyên môn theo bộ môn	Trưởng Bộ môn	Giảng viên
14.	Hoàn thành tự đánh giá cải tiến chất lượng 04 CTĐT	Hoàn thành tự đánh giá cải tiến chất lượng 04 CTĐT	Phó trưởng khoa (Vi Văn Toàn)	Trưởng Bộ môn; CBKS iso
15.	Thông tin công khai minh bạch	Thông tin công khai minh bạch	Phó trưởng khoa (Vi Văn Toàn)	Hồ Anh Thắng